

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /2019/QĐST-DS

Hòa An, ngày 14 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Căn cứ vào Biên bản xác minh tại thực địa ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hứa Thị P**, Sinh năm 1941.

- *Bị đơn:* Ông **Hoàng Văn Đ**, Sinh năm 1976.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Hoàng Tiến D**, Sinh năm 1970;

Bà **Hoàng Thị M**, Sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: xóm N, xã Tr, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Bà **Hoàng Thị R**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 22, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

Luật sư Nguyễn Đình – Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Đình thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đối với một ngôi nhà gỗ lợp ngói ba gian hiện nay ông Hoàng Văn Đ đang quản lý sử dụng, ông Hoàng Văn Đ nhất trí thanh toán cho bà Hứa Thị P số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu Đ). Ông Hoàng Văn Đ sẽ tiếp tục được quản lý, sử dụng ngôi nhà trên.

2.2. Đối với đám ruộng có địa danh là “Bản Tầu” là thửa đất số 130, tờ bản đồ số 31, diện tích 573 m² hiện nay đang có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Văn Đ, Lục Thị Hiền số A0 494644, thì chia đôi cho bà P và ông Đ mỗi bên quản lý, sử dụng một nửa thửa đất như sau:

+ Phần đất phía tây thửa đất do ông Đ quản lý, sử dụng. Phần đất phía đông thửa đất do bà P quản lý, sử dụng.

+ Về tứ cận của phần đất do ông Đ quản lý, sử dụng như sau:

Phía bắc giáp với thửa đất số 115, 113 cùng thuộc tờ bản đồ số 31, chiều dài là 27,2 mét.

Phía nam giáp thửa đất số 129, tờ bản đồ số 31.

Phía tây giáp thửa đất số 128, tờ bản đồ số 31.

Phía đông giáp với phần đất mà bà P được quyền quản lý, sử dụng, chiều dài là 14,3 mét.

+ Về tứ cận của phần đất do bà P quản lý, sử dụng như sau:

Phía bắc giáp với thửa đất số 113, tờ bản đồ số 31, chiều dài là 27,2 mét.

Phía nam giáp với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 31.

Phía tây giáp với phần đất mà ông Đ được quyền quản lý, sử dụng, chiều dài là 14,3 mét.

Phía đông giáp với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 31.

2.3. Đối với đám ruộng có địa danh là “Cốc Nghịu” là thửa đất số 46, tờ bản đồ số 31, hiện có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Thái T, bà Hứa Thị P thì chia đôi cho bà P và ông Đ mỗi bên quản lý, sử dụng một nửa thửa đất như sau:

+ Phần đất phía nam thửa đất do ông Đ quản lý, sử dụng. Phần đất phía bắc thửa đất do bà P quản lý, sử dụng.

+ Về tứ cận của phần đất do ông Đ quản lý, sử dụng như sau:

Phía bắc thửa đất giáp với phần đất mà bà P được quyền quản lý, sử dụng, chiều dài là 12 mét.

Phía nam giáp với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 31, chiều dài 6,8 mét.

Phía đông giáp với thửa số 69, 70 cùng tờ bản đồ số 31.

Phía tây giáp với thửa số 268, tờ bản đồ số 31, chiều dài 17,5 mét.

+ Về tứ cận của phần đất do bà P quản lý, sử dụng như sau:

Phía bắc giáp với phần đất do ông Đ khai phá, chiều dài là 10 mét.

Phía nam giáp với phần đất mà ông Đ được quyền quản lý, sử dụng, chiều dài là 12 mét.

Phía đông giáp với thửa đất số 51, 70 cùng tờ bản đồ số 31.

Phía tây giáp với thửa số 268, tờ bản đồ số 31, chiều dài 13,5 mét.

2.4. Đối với một cái ao gồm có 04 thửa đất là thửa số 78, 76, 105, 106 cùng thuộc tờ bản đồ số 31, hiện có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Thái T, bà Hứa Thị P thì chia như sau:

+ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 31 do ông Đ quản lý, sử dụng.

+ Thửa đất số 76, 105, 106 cùng tờ bản đồ số 31 do bà P quản lý, sử dụng.

+ Hai bên đương sự chịu trách nhiệm cải tạo, đắp bờ ngăn cách cái ao thành hai cái ao riêng biệt và làm mương thoát nước chung giữa hai phần đất để thoát nước thải từ trên cao dồn xuống. Với điểm mốc là cây “Lìn ca” kéo thẳng sang bờ đối diện qua sát bờ hiện trạng đang có giữa hai phần đất.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, bà P và ông Đ tự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất phần được chia theo thỏa thuận.

2.5. Về án phí: Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên án phí được giảm 50 %. Nguyên đơn bà Hứa Thị P phải chịu 75.000,đ (*Bảy mươi năm nghìn Đ*) án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Hoàng Văn Đ phải chịu 75.000,đ (*Bảy mươi năm nghìn Đ*) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Bà Hứa Thị P tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bao gồm cả phần của ông Hoàng Văn Đ với tổng số tiền là 150.000,đ (*Một trăm năm mươi nghìn Đ*). Bà Hứa Thị P đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn Đ*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AB/2012/02340 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Nay bà Hứa Thị P được hoàn lại số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn Đ*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An;
- CC THADS huyện Hòa An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lục Thanh Hải